

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban tổ chức đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Phước khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá.



**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**  
Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Q.1, TP. HCM



**ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN  
NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**  
Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3 Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP.HCM

*Bình Phước, tháng 01 năm 2016*

---

# MỤC LỤC

<b>PHẦN I CƠ SỞ PHÁP LÝ.....</b>	<b>3</b>
<b>PHẦN II CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐÁU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN Đ ĐẦU.....</b>	<b>5</b>
<b>PHẦN III CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT .....</b>	<b>6</b>
<b>PHẦN IV GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>7</b>
<b>I. TỔNG QUAN.....</b>	<b>7</b>
1. Giới thiệu về Doanh nghiệp.....	7
2. Ngành nghề kinh doanh chính .....	7
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu .....	8
4. Quá trình hình thành và phát triển .....	8
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý .....	9
6. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh liên kết .....	11
<b>II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>12</b>
1. Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	12
2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	19
3. Thực trạng về tài chính và công nợ .....	21
4. Thực trạng về lao động.....	21
<b>III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA .....</b>	<b>24</b>
1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	24
2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa.....	29
3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh .....	31
<b>PHẦN V PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA.....</b>	<b>33</b>
<b>I. TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN .....</b>	<b>33</b>
<b>II. VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG .....</b>	<b>33</b>
1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	33
2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến.....	34
3. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty .....	35
4. Chiến lược phát triển sau cổ phần hóa.....	38
5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 5năm sau cổ phần hóa .....	38
6. Biện pháp thực hiện.....	45
<b>PHẦN VI THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>47</b>

---

<b>I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN .....</b>	<b>47</b>
1. Đối tượng mua cổ phần .....	47
2. Phương thức chào bán .....	47
3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán .....	50
<b>II. LOẠI CỔ PHẦN .....</b>	<b>50</b>
<b>III. KẾ HOẠCH HOÀN VỐN NGÂN SÁCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA .....</b>	<b>50</b>
<b>IV. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN.....</b>	<b>52</b>
1. Rủi ro về kinh tế .....	52
2. Rủi ro pháp lý .....	52
3. Rủi ro đặc thù .....	52
4. Rủi ro của đợt chào bán .....	53
5. Rủi ro khác.....	53
<b>V. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>53</b>
<b>VI. CAM KẾT.....</b>	<b>54</b>

## **PHẦN I CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Văn bản số 133/TTg-ĐMDN ngày 01/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt Phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của UBND Tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước;
- Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 30/09/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước;
- Quyết định số 2187/QĐ-BCĐ ngày 13/10/2014 của Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước;
- Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của UBND Tỉnh Bình Phước về việc thay đổi thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước và Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước;
- Quyết định số 513/QĐ-BCĐ ngày 19/03/2015 của Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước Về việc thay đổi thành viên Tổ giúp

việc của Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước;

- Công văn số 400/UBND-KTTH ngày 03/02/2015 của UBND Tỉnh Bình Phước về việc chọn đơn vị tư vấn cung cấp dịch vụ cổ phần hóa trọn gói đối với Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước;
- Quyết định số 1468/QĐ-BCĐ ngày 14/07/2015 của Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước Về việc thay đổi thành viên Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước;
- Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước;
- Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước;
- **Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 29/09/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước và Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước;**
- Công văn số 7748/VPCP-DDMDN ngày 29/09/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thay đổi thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa: Công ty TNHH MTV Cấp Thoát nước Bình Phước và Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước;
- Hợp đồng tư vấn thực hiện cổ phần hoá số 12/2015/HĐ/TV/DAS ngày 27/02/2015 giữa Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

**PHẦN II**  
**CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐÁU GIÁ**  
**BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**

**I. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐÁU GIÁ BÁN CỔ PHẦN:**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Địa chỉ : 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại : (08) 3821 7713 Fax: (08) 3821 7452
- Website : [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn)

**II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN:**

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

- Khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : (84.651) 388 7548 Fax: (84.651) 388 7548

**III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN:**

**CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**

- Trụ sở chính : Tầng 2 và tầng 3 Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, Tp.HCM
- Điện thoại : (84.8) 3833.6333 Fax: (84.8) 3835.1919
- Website : [www.dag.vn](http://www.dag.vn)

### PHẦN III CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT	ĐỊNH NGHĨA
▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ BHXH	Bảo hiểm xã hội
▪ CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
▪ Công ty	Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước
▪ GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
▪ DT	Doanh thu
▪ HĐLĐ	Hợp đồng lao động
▪ HĐKD	Hoạt động kinh doanh
▪ HĐQT	Hội đồng quản trị
▪ HĐTV	Hội đồng thành viên
▪ LN	Lợi nhuận
▪ LNTT	Lợi nhuận trước thuế
▪ LNST	Lợi nhuận sau thuế
▪ TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
▪ TSCĐ	Tài sản cố định
▪ UBND	Ủy ban nhân dân

## PHẦN IV

### GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

#### I. TỔNG QUAN

##### 1. Giới thiệu về Doanh nghiệp

- Tên công ty : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**
- Tên tiếng Anh : BINH PHUOC WATER SUPPLY AND SEWERAGE ONE MEMBER COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt : BPWACO.
- Địa chỉ : Khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại : (84.651) 388 7548 Fax: (84.651) 388 7548
- Email : capthoatnuocbp@bpwaco.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800228182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 30/12/2008 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/09/2014

##### 2. Ngành nghề kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800228182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 30/12/2008 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/09/2014, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và kinh doanh - Khoan thăm dò và khai thác nước ngầm	3600 (chính)
02	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây lắp sửa chữa công trình cấp thoát và dân dụng	4290
03	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, khảo sát, thiết kế, lập dự án, dự toán, đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước và dân dụng, giám sát kỹ thuật các công trình cấp thoát nước và dân dụng	7110
04	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh vật tư và các dịch vụ chuyên ngành cấp thoát nước	4659
05	Thoát nước và xử lý nước thải	3700



STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải	

### 3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Trên cơ sở các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, hiện tại sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty là:

- Cung cấp nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất trên địa bàn Thị Xã Đồng Xoài và vùng phụ cận, Thị xã Bình Long, Phước Long và Huyện Chơn Thành;
- Thi công xây lắp công trình đầu mối và hệ thống mạng lưới Cấp nước trên địa bàn Thị Xã Đồng Xoài và vùng phụ cận, Thị xã Bình Long; Phước Long và Huyện Chơn Thành.

### 4. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước trước đây là Công ty Cấp thoát nước tỉnh Bình Phước, được thành lập theo Quyết định số 18/2001/QĐ-UBND ngày 16/3/2001 của UBND tỉnh Bình Phước và chính thức đi vào hoạt động tháng 06/2001.

Hiện nay Công ty đã chuyển thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước hoạt động theo mô hình mới từ ngày 01/01/2009 đến nay theo Quyết định số 2851/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 24/12/2008 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước tỉnh Bình Phước thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

Qua nhiều năm hoạt động, Công ty đã từng bước xây dựng nền móng, trưởng thành và phát triển. Trong các năm qua, Công ty đã liên tục nhận được nhiều thành tích thi đua khen thưởng từ Nhà nước, Chính Phủ nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam, các Bộ ngành và UBND tỉnh Bình Phước tặng thưởng:

- Năm 2005: Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh (Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/03/2006); Bằng khen của Tỉnh ủy (Quyết định số 168-QĐ/TU, ngày 30/05/2006); Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 26/01/2006).
- Năm 2006: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 11/09/2007); Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 14/03/2007).
- Năm 2007: Đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 21/03/2008).
- Năm 2008: Bằng khen của UBND tỉnh (Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 11/03/2009); Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 11/03/2009).

- Năm 2009: Đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 26/03/2010).
- Năm 2010: Bằng khen UBND tỉnh (Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 22/03/2011 của UBND tỉnh Bình Phước).
- Năm 2011: Huân chương Lao động hạng Ba (Quyết định số 251/QĐ-CTN ngày 28/02/2011 của Chủ tịch nước; Cờ thi đua xuất sắc (Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước).
- Năm 2012: Cờ thi đua xuất sắc (Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 20/03/2013 của UBND tỉnh Bình Phước).
- Năm 2013: Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 27/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Cờ Thi đua xuất sắc của UBND tỉnh (Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 03/3/2014 của UBND tỉnh Bình Phước).
- Năm 2014: Cờ Thi đua xuất sắc của UBND tỉnh (Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của UBND tỉnh Bình Phước; Giấy khen của Tổng cục trưởng (Quyết định số 418/QĐ-TCLN-VP ngày 16/9/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp).

## **5. Cơ cấu tổ chức và quản lý**

### **❖ Cơ cấu tổ chức Công ty**

Bộ máy tổ chức quản lý điều hành Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước bao gồm:

- Ban lãnh đạo, gồm:
  - Chủ tịch kiêm Giám đốc: 01 người
  - Phó Giám đốc: 01 người
- Các phòng nghiệp vụ, gồm:
  - Kiểm Soát viên: 01 người
  - Kế Toán trưởng: 01 người
  - Phòng Tổ chức – Hành chính: 06 người
  - Phòng Kế hoạch – Kinh doanh: 02 người
  - Phòng Kỹ thuật vật tư: 11 người
  - Ban quản lý dự án: 7 người
  - Phòng kế toán – tài vụ: 7 người
- Các đơn vị trực thuộc, gồm:
  - Đội phòng chống thất thoát: 6 người

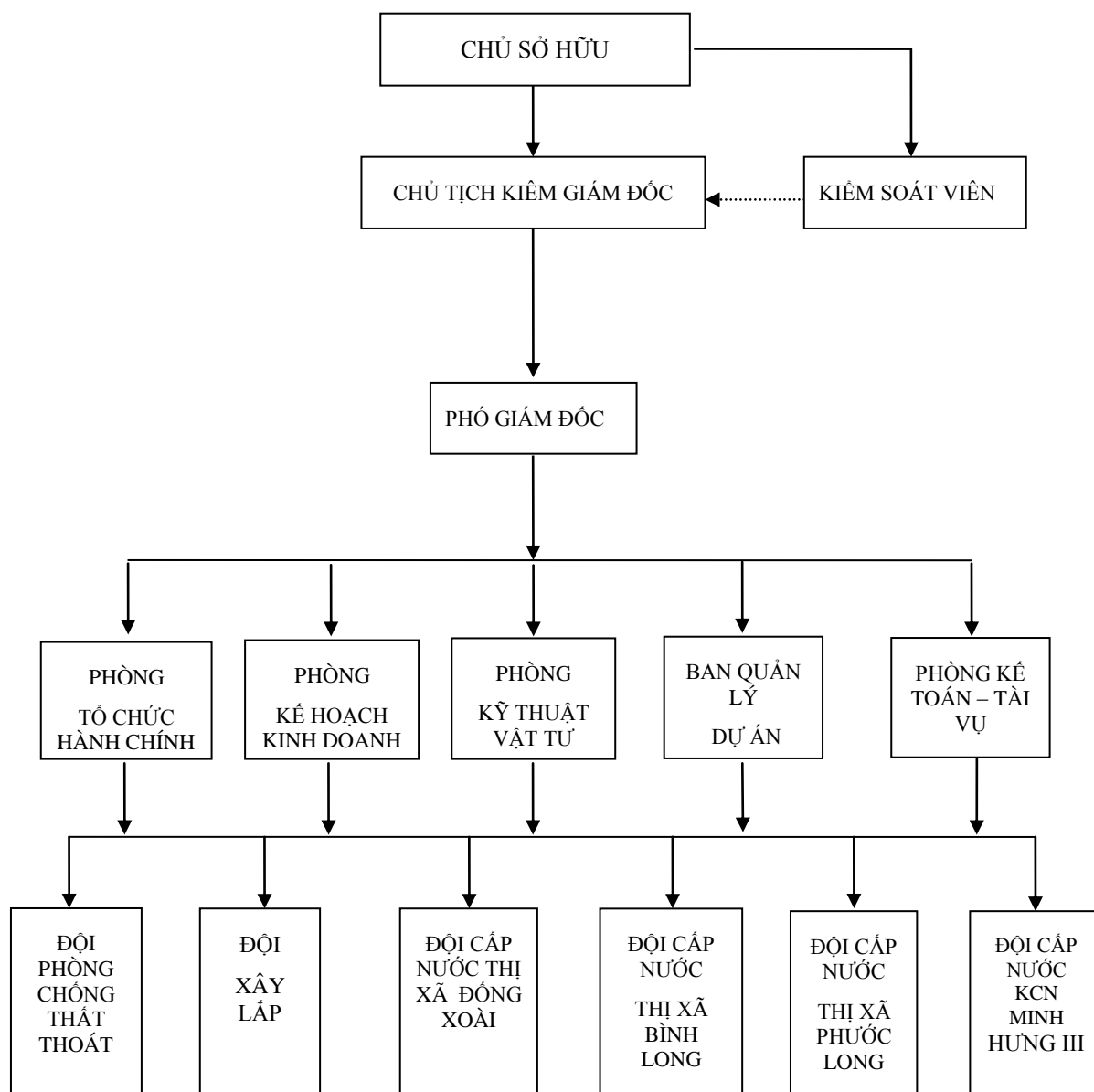
- Đội xây lắp: 5 người
- Đội sản xuất nhà máy nước Đồng Xoài: 19 người
- Đội cấp nước thị xã Bình Long: 10 người
- Đội cấp nước thị xã Phước Long: 21 người
- Đội cấp nước KCN Minh Hưng III: 06 người.

❖ **Các tổ chức đoàn thể của Công ty**

Các tổ chức đoàn thể của Công ty bao gồm Đảng bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên.

- **Đảng bộ Công ty:** bao gồm 32 Đảng viên, sinh hoạt tại 03 Chi bộ trực thuộc theo quy chế hoạt động của Đảng bộ, chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh Bình Phước.
- **Công đoàn Công ty:** bao gồm 104 đoàn viên, sinh hoạt theo quy chế hoạt động của Công đoàn cơ sở, chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Phước.
- **Đoàn thanh niên:** bao gồm 62 đoàn viên thanh niên, sinh hoạt theo quy chế hoạt động của Đoàn cơ sở, chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của Đoàn khối doanh nghiệp tỉnh Bình Phước.

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC**  
**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**



Nguồn: BPWACO

**Ghi chú:** Theo Biên bản bàn giao tài sản và nhân sự nhà máy cấp nước thị xã Bình Long ký ngày 15/09/2015 giữa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước và UBND thị xã Bình Long, Công ty đã bàn giao Đội cấp nước thị xã Bình Long cho UBND Thị xã Bình Long vào tháng 09/2015.

**6. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh liên kết**

**6.1 Công ty mẹ**

Không có.

**6.2 Công ty con**

Không có.

**6.3 Công ty liên kết, liên doanh**

Không có.

**II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP****1. Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa**

Căn cứ Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của UBND Tỉnh Bình Phước về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 01/01/2015 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước là **282.136.730.280 đồng** (Hai trăm tám mươi hai tỷ một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi nghìn hai trăm tám mươi đồng).
- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước tại thời điểm 01/01/2015 để cổ phần hóa là: **107.718.026.407 đồng** (Một trăm lẻ bảy tỷ bảy trăm mười tám triệu không trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm lẻ bảy đồng)

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước tại thời điểm 01/01/2015 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
<b>A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)</b>	<b>252.640.949.288</b>	<b>282.136.730.280</b>	<b>29.495.780.992</b>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>191.978.113.712</b>	<b>219.378.841.844</b>	<b>27.400.728.132</b>
1. Tài sản cố định	44.472.817.799	71.569.414.397	27.096.596.598
a. TSCĐ hữu hình	44.450.902.476	71.486.048.170	27.035.145.694
b. TSCĐ vô hình	21.915.323	83.366.227	61.450.904
2. Bất động sản đầu tư	-	-	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	145.493.999.049	145.493.999.049	-
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
6. Chi phí trả trước dài hạn	-	-	-
7. Tài sản dài hạn khác	2.011.296.864	2.315.428.398	304.131.534
8. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>60.662.835.576</b>	<b>62.591.306.527</b>	<b>1.928.470.951</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30.816.307.371	30.808.253.099	(8.054.272)
<i>a. Tiền mặt tồn quỹ</i>	51.311.726	51.313.000	1.274
<i>b. Tiền gửi ngân hàng</i>	3.375.975.726	3.367.920.180	(8.055.546)
<i>c. Các khoản tương đương tiền</i>	27.389.019.919	27.389.019.919	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	6.569.956.140	7.246.268.416	676.312.276
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	9.288.032.886	9.956.258.807	668.225.921
5. Tài sản lưu động khác	13.988.539.179	14.580.526.205	591.987.026
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
<b>III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN</b>	<b>-</b>	<b>166.581.909</b>	<b>166.581.909</b>
<b>IV. Giá trị quyền sử dụng đất</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DỪNG</b>	<b>5.575.397.577</b>	<b>5.575.397.577</b>	<b>-</b>
<i>Tài sản chờ bàn giao cho UBND Thị xã Bình Long</i>	<i>5.575.397.577</i>	<i>5.575.397.577</i>	<i>-</i>
<b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>4.458.640.990</b>	<b>4.458.640.990</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định	4.275.910.132	4.275.910.132	-
2. Tài sản dài hạn khác	182.730.858	182.730.858	-
<b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>1.116.756.587</b>	<b>1.116.756.587</b>	<b>-</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	8.980.252	8.980.252	-
2. Các khoản phải thu	545.189.491	545.189.491	-

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
3. Vật tư, hàng hóa tồn kho	558.161.845	558.161.845	-
4. Tài sản lưu động khác	4.424.999	4.424.999	-
<b>C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ</b>	-	-	-
<i>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</i>	-	-	-
<i>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</i>	-	-	-
<b>D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG</b>		-	-
<b>E. TÀI SẢN KHÔNG CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>91.140.206.104</b>	<b>91.140.206.104</b>	-
<i>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</i>	<i>40.334.257.293</i>	<i>40.334.257.293</i>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	40.334.257.293	40.334.257.293	
<i>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</i>	<i>50.805.948.811</i>	<i>50.805.948.811</i>	-
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.950.919.763	1.950.919.763	-
2. Phải thu ngắn hạn	47.697.611.233	47.697.611.233	-
3. Tài sản lưu động khác	1.157.417.815	1.157.417.815	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D + E)</b>	<b>349.356.552.969</b>	<b>378.852.333.961</b>	<b>29.495.780.992</b>
Trong đó:			-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP</b>	<b>252.640.949.288</b>	<b>282.136.730.280</b>	<b>29.495.780.992</b>
<b>E1. Nợ thực tế phải trả *</b>	<b>170.635.093.147</b>	<b>174.418.703.873</b>	<b>3.783.610.726</b>
<b>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	-	-	-
<b>E3. Nguồn vốn hình thành Tài sản phục vụ công ích không cổ phần hóa</b>	<b>91.140.206.104</b>	<b>91.140.206.104</b>	-

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU SỔ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4
- Nguồn vốn nhận từ ngân sách	74.893.927.887	74.893.927.887	-
- Nợ phải trả phát sinh liên quan đến tài sản không cổ phần hóa	16.203.688.761	16.203.688.761	-
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi ghi nhận tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ hình thành từ Dự án thoát nước và xử lý nước thải Thị xã Đồng Xoài (Tài sản không cổ phần hóa)	42.589.456	42.589.456	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A – (E1+E2)]</b>	<b>82.005.856.141</b>	<b>107.718.026.407</b>	<b>25.712.170.266</b>

Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp, gồm:

❖ **Tài sản không cần dùng (Tài sản chờ bàn giao cho UBND Thị xã Bình Long):**

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/01/2015, giá trị tài sản chờ bàn giao cho UBND Thị xã Bình Long là các tài sản thuộc nhà máy nước An Lộc, Bình Long có giá trị là 5.575.397.577 đồng. Bao gồm:

➤ **Tài sản cố định:**

TT	Tài sản	Năm sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Khấu hao (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc		4.040.404.988	2.479.778.743	1.560.626.245
1.1	Cụm xử lý, bể trộn và đường ống kỹ thuật	2011	1.432.424.036	852.633.360	579.790.676
1.2	Bể chứa 500m <sup>3</sup>	2011	405.071.679	241.114.095	163.957.584
1.2	Hồ lắng bùn	2011	137.962.096	82.120.296	55.841.800
1.4	Trạm bơm cấp II	2011	713.202.152	424.525.092	288.677.060
1.5	Nhà quản lý nhà máy	2011	227.545.140	135.443.532	92.101.608
1.6	Nhà hoá chất	2011	507.886.442	302.313.363	205.573.079



TT	Tài sản	Năm sử dụng	Nguyên giá (đồng)	Khấu hao (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1.7	Đường nội bộ	2011	102.732.807	61.150.482	41.582.325
1.8	Kho xưởng	2011	134.170.204	79.863.215	54.306.989
1.9	Lưới điện ngoài nhà	2011	184.740.121	184.740.121	-
1.10	Cổng tường rào	2011	194.670.311	115.875.187	78.795.124
2	Phương tiện vận tải		6.708.348.442	3.993.064.555	2.715.283.887
2.1	Hệ thống tuyến ống phân phối	2004	5.907.271.430	3.516.232.995	2.391.038.435
2.2	Trạm bơm cấp I và tuyến ống nước thô	2011	801.077.012	476.831.560	324.245.452
3	Tài sản dài hạn khác		182.730.858	-	182.730.858
3.1	Chi phí lắp đặt đầu nối		182.730.858	-	182.730.858
	<b>Tổng</b>		<b>10.931.484.288</b>	<b>6.472.843.298</b>	<b>4.458.640.990</b>

➤ Tài sản ngắn hạn

Stt	Khoản mục	Giá trị sổ sách (đồng)	Giá trị xác định lại (đồng)	Chênh lệch (đồng)
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	8.980.252	8.980.252	
1.1	Tiền mặt tại quỹ	5.308.377	5.308.377	
1.2	Tiền gửi Ngân hàng	3.671.875	3.671.875	
2.	Phải thu ngắn hạn	545.189.491	545.189.491	-
2.1	Phải thu KH tiền nước sinh hoạt - Bình Long	226.558.855	226.558.855	-
2.2	BQL Các Dự Án Ngành Nông Nghiệp & Phát Triển Nông	84.479.021	84.479.021	-

Stt	Khoản mục	Giá trị sổ sách (đồng)	Giá trị xác định lại (đồng)	Chênh lệch (đồng)
	<i>Thôn tỉnh (CT Vận hành chạy thử NMN B)</i>			
2.3	<i>Ban QLDA xây dựng TX. Bình Long - CT di dời đường ống Nguyễn Huệ</i>	228.568.381	228.568.381	-
2.4	<i>Công ty CP SXXDTM &amp; NN Hải Vương</i>	5.583.234	5.583.234	-
3.	Vật tư hàng hóa tồn kho	558.161.845	558.161.845	-
4.	Tài sản lưu động khác	4.424.999	4.424.999	-
4.1	<i>Máy đo PH</i>	4.424.999	4.424.999	-
	<b>Tổng</b>	<b>1.116.756.587</b>	<b>1.116.756.587</b>	

Theo nội dung Biên bản bàn giao tài sản và nhân sự nhà máy cấp nước thị xã Bình Long ký giữa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước và UBND thị xã Bình Long, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước đã thực hiện bàn giao nhà máy nước Bình Long cho UBND thị xã Bình Long vào ngày 15/09/2015.

❖ **Tài sản chờ thanh lý: 0 đồng.**

Tại thời điểm 01/01/2015, Công ty có các tài sản chờ thanh lý bao gồm:

- Phương tiện vận tải tại Thị xã Đồng Xoài;
- Máy móc thiết bị tại Minh Hưng, Thị xã Đồng Xoài và Phước Long;
- Thiết bị quản lý tại Thị xã Đồng Xoài

Chi tiết tài sản chờ thanh lý tại thời điểm 01/01/2015 cụ thể như sau:

STT	Chi tiết	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại	Ghi chú
<b>ĐỒNG XOÀI</b>					
<b>Phương tiện vận tải</b>					
1	Xe bồn chở nước	69.023.500	-	0%	Đã thanh lý
<b>Máy móc thiết bị</b>					

STT	Chi tiết	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại	Ghi chú
1	Máy đo độ đục HI 93703	39.143.520	-	0%	Đã thanh lý
2	Bộ bơm Franklin	127.950.000	-	0%	
3	Bộ bơm Franklin 75 HP	131.000.000	-	0%	Đã thanh lý
<b>Thiết bị quản lý</b>					
1	Máy Photo TOSHIBA E203	35.398.000	-	0%	Đã thanh lý
<b>ĐỘI SX NƯỚC THỊ XÃ PHƯỚC LONG</b>					
<b>Máy móc thiết bị</b>					
1	Công nghệ trạm bơm cấp 1	155.249.075	-	0%	Đã thanh lý
2	Máy bơm chìm	79.114.608	-	0%	Đã thanh lý
3	Máy bơm nước	101.900.000	-	0%	Đã thanh lý
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>738.778.703</b>	<b>-</b>	<b>0%</b>	

Đối với các tài sản công ty đã làm thủ tục thanh lý, Công ty sẽ hạch toán vào thu nhập và chi phí của doanh nghiệp. Đối với các tài sản chờ thanh lý và chưa thực hiện thanh lý, sau khi được phê duyệt loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bình Phước sẽ thực hiện bàn giao về cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam theo quy định tại Khoản 2 Điều 14, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

❖ **Tài sản không cổ phần hóa: 91.140.206.104 đồng.**

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty đang đầu tư Tiểu dự án thoát nước và xử lý nước thải Đồng Xoài công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm theo Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của UBND Tỉnh Bình Phước, đây là tài sản phục vụ mục đích công ích không đưa vào cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

Giá trị tài sản hình thành từ Dự án này bao gồm:

	Hạng mục tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>TSCĐ VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>	<b>40.334.257.293</b>	-	<b>40.334.257.293</b>
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	40.334.257.293	-	40.334.257.293
<b>II</b>	<b>TSLĐ VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>	<b>50.805.948.811</b>	-	<b>50.805.948.811</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.950.919.763	-	1.950.919.763
1.1	Tiền mặt tại quỹ	9.536.000	-	9.536.000
1.2	Tiền gửi Ngân hàng	1.941.383.763		1.941.383.763
2	Phải thu ngắn hạn	47.697.611.233	-	47.697.611.233
2.1	Trả trước người bán	46.378.016.355		46.378.016.355
2.2	Phải thu ngắn hạn khác	1.319.594.878		1.319.594.878
3	Tài sản lưu động khác	1.157.417.815	-	1.157.417.815
	<b>Tổng</b>	<b>91.140.206.104</b>	-	<b>91.140.206.104</b>

Khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, để tách bạch giữa tài sản công ích và tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh, Công ty đề nghị loại các tài sản này ra khỏi giá trị doanh nghiệp và Công ty sẽ tiếp tục đầu tư theo Quyết định của UBND Tỉnh. Sau khi đầu tư và thực hiện quyết toán công trình theo quy định, Công ty sẽ tiếp tục theo dõi quản lý hoặc thực hiện bàn giao lại cho các cơ quan khác theo quyết định của UBND tỉnh Bình Phước. Sau cổ phần hóa, Công ty sẽ ký hợp đồng hàng năm với nhà nước để thực hiện các chức năng công ích trên theo phân công trên địa bàn Tỉnh Bình Phước.

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước tại thời điểm 01/01/2015)

## 2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (01/01/2015) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>96.254.220.460</b>	<b>47.527.407.852</b>	<b>48.726.812.608</b>

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	23.775.741.776	10.411.486.478	13.364.255.298
+ Tài sản cần dùng	19.735.336.788	7.931.707.735	11.803.629.053
+ Tài sản không cần dùng <sup>(1)</sup>	4.040.404.988	2.479.778.743	1.560.626.245
▪ Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	62.472.700.396	29.505.674.112	32.967.026.284
+ Tài sản cần dùng	55.695.328.454	25.443.586.057	30.251.742.397
+ Tài sản không cần dùng	6.708.348.442	3.993.064.555	2.715.283.887
+ Tài sản chờ thanh lý	69.023.500	69.023.500	-
▪ Máy móc thiết bị	8.847.112.259	6.806.703.951	2.040.408.308
+ Tài sản cần dùng	8.212.755.056	6.172.346.748	2.040.408.308
+ Tài sản chờ thanh lý	634.357.203	634.357.203	-
▪ Thiết bị quản lý	819.888.177	661.914.633	157.973.544
+ Tài sản cần dùng	784.490.177	626.516.633	157.973.544
+ Tài sản chờ thanh lý	35.398.000	35.398.000	-
▪ Tài sản cố định khác	338.777.852	141.628.678	197.149.174
<b>2. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>3.592.169.166</b>	<b>3.570.253.843</b>	<b>21.915.323</b>
<b>3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>185.828.256.342</b>	<b>-</b>	<b>185.828.256.342</b>
▪ Tài sản cần dùng	145.493.999.049	-	145.493.999.049
▪ Tài sản không cổ phần hóa <sup>(2)</sup>	40.334.257.293	-	40.334.257.293

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2014 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước và Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01/01/2015

Ghi chú:

(1): Tài sản không cần dùng là tài sản chờ bàn giao cho UBND Thị xã Bình Long

(2): Tài sản không cổ phần hóa là tài sản thuộc Tiểu dự án thoát nước và xử lý nước thải Đồng Xoài công suất 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm theo Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 02/03/2011 của UBND Tỉnh Bình Phước.

### 3. Thực trạng về tài chính và công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (01/01/2015) như sau:

❖ <b>Vốn chủ sở hữu:</b>	<b>162.517.771.062 đồng</b>
Trong đó:	
▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	51.410.226.669 đồng
▪ Chênh lệch tỷ giá hối đoái	37.047.530 đồng
▪ Quỹ đầu tư phát triển:	7.705.336.915 đồng
▪ Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	174.200.000 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.514.320.719 đồng
▪ Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	101.676.639.229 đồng
❖ <b>Quỹ khen thưởng, phúc lợi:</b>	<b>4.209.190.086 đồng</b>
❖ <b>Các khoản phải thu:</b>	<b>54.812.756.864 đồng</b>
▪ Phải thu ngắn hạn:	54.812.756.864 đồng
▪ Phải thu dài hạn:	0 đồng
(Tỷ lệ đối chiếu công nợ đạt 98,59%)	
❖ <b>Nợ phải trả:</b>	<b>186.838.781.907 đồng</b>
▪ Nợ ngắn hạn:	37.292.370.944 đồng
▪ Nợ dài hạn:	149.546.410.963 đồng
(Tỷ lệ đối chiếu công nợ đạt 97,66%)	

### 4. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 02/11/2015, tổng số CBCNV của Công ty là 96 người với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>Theo trình độ lao động</b>		
▪ Trình độ đại học và trên đại học	32	33,33
▪ Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	31	32,29
▪ Trình độ khác	33	34,38
<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>		
▪ Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	4	4,17
▪ Hợp đồng không thời hạn	63	65,63
▪ Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	29	30,21
<b>Theo giới tính</b>		
▪ Nam	70	72,92

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
▪ Nữ	26	27,08

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước

Số lao động bình quân các năm giai đoạn trước cổ phần hóa như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Số lao động bình quân năm	91 người	95 người	101 người

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b>	<b>96</b>	
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc, KTT)	04	
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	92	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	63	
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	29	
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty		
<b>II</b>	<b>Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b>	<b>00</b>	
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành		
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:		
	- Hết hạn HĐLĐ		
	- Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ		
	- Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật		
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công		

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
	bổ giá trị doanh nghiệp CPH, chia ra:		
	- Số lao động dôi dư thực hiện theo NĐ số 91/2010/NĐ-CP		
	- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm		
<b>III</b>	<b>Số lao động là viên chức quản lý thuộc diện dôi dư do Công ty thực hiện cổ phần hóa</b>	<b>00</b>	
<b>IV</b>	<b>Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần</b>	<b>96</b>	
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	95	
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ BHXH, chia ra:	01	
	- Ốm đau		
	- Thai sản	01	Từ tháng 10/2015
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp		
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, chia ra:	00	
	- Nghĩa vụ quân sự		
	- Nghĩa vụ công dân khác		
	- Bị tạm giam, tạm giữ		
	- Do 2 bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)		

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>96</b>	<b>100%</b>
<b>Phân theo trình độ lao động</b>		
- Trình độ đại học và trên đại học	32	33,33%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	31	32,29%
- Trình độ khác	33	34,38%
<b>Phân theo loại hợp đồng lao động</b>		
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	04	4,17%
- Hợp đồng không thời hạn	63	65,63%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	29	30,20%
- Hợp đồng thời vụ	0	0,00%



Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>Phân theo giới tính</b>		
- Nam	70	72,92%
- Nữ	26	27,08%

### III. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

#### 1. Tình hình hoạt động kinh doanh

##### 1.1.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

##### Cơ cấu tổng doanh thu 03 năm trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu
Doanh thu thuần về bán hàng	28.130.152	96,10%	35.296.767	96,52%	37.647.467	96,62%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.043.667	3,57%	1.271.852	3,48%	1.315.052	3,38%
Doanh thu khác	97.631	0,33%	452	0,00%	529	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.271.450</b>	<b>100%</b>	<b>36.569.071</b>	<b>100%</b>	<b>38.963.048</b>	<b>100%</b>

##### Cơ cấu doanh thu thuần 03 năm trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: Triệu đồng

Hàng hoá/ Dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Doanh thu thuần	Tỷ trọng	Doanh thu thuần	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
Doanh thu bán nước sạch	24.229	86,13%	32.275	91,44%	34.279	91,05%
Doanh thu khác (Lắp đặt + bán lẻ vật tư)	3.901	13,87%	3.022	8,56%	3.369	8,95%
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.130</b>	<b>100%</b>	<b>35.297</b>	<b>100%</b>	<b>37.648</b>	<b>100%</b>

Trong cơ cấu tổng doanh thu, doanh thu về bán hàng chiếm tỷ trọng chủ yếu, khoảng 96% trong tổng doanh thu qua các năm 2012-2014, doanh thu từ hoạt động tài chính và doanh thu khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ.

Xét về cơ cấu doanh thu về bán hàng, doanh thu từ bán nước sạch chiếm tỷ trọng lớn, dao động từ 86% - 91% trong doanh thu bán hàng. Doanh thu từ bán nước sạch có xu

hướng tăng dần qua các năm từ 2012 đến 2014, từ 24,2 tỷ đồng năm 2012 tăng đột biến lên 32,2 tỷ trong năm 2013 do giá nước trong năm 2013 tăng, và doanh thu tiếp tục tăng lên 34,2 tỷ đồng trong năm 2014. Ngoài hoạt động chính là bán nước sạch, Công ty còn có doanh thu khác từ các hoạt động lắp đặt đồng hồ nước và bán lẻ vật tư, tuy nhiên doanh thu từ hoạt động này chiếm tỷ trọng nhỏ, chỉ khoảng 8,5% - 13,8% trong tổng doanh thu. Và doanh thu từ các hoạt động khác khá ổn định qua các năm.

### Cơ cấu lợi nhuận gộp 03 năm trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Hàng hoá/ Dịch vụ	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng	Lợi nhuận gộp	Tỷ trọng
Lợi nhuận từ bán nước sạch	9.570.753	98,08	14.516.715	101,25	15.451.754	98,39
Lợi nhuận khác (Lắp đặt + bán lẻ vật tư)	187.763	1,92	(178.874)	(1,25)	253.573	1,61
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.758.516</b>	<b>100</b>	<b>14.337.841</b>	<b>100</b>	<b>15.705.327</b>	<b>100</b>

Nguồn: BPWACO

Lợi nhuận gộp của Công ty có chiều hướng tăng tương tự doanh thu, tăng mạnh trong năm 2013 và tăng chậm lại trong năm 2014. Nguyên nhân là do năm 2013 giá nước tăng dẫn đến lợi nhuận trong năm của Công ty tăng đột biến, đến năm 2014 thì giá nước ổn định theo giá của năm 2013 nên lợi nhuận chỉ tăng nhẹ. Xét về cơ cấu lợi nhuận gộp, gần như toàn bộ lợi nhuận gộp đến từ hoạt động cung cấp nước sạch, các hoạt động lắp đặt đồng hồ và bán lẻ vật tư chiếm tỷ trọng rất nhỏ, chỉ khoảng dưới 2% tổng lợi nhuận gộp trong giai đoạn từ 2012-2014.

Hoạt động cấp nước là ngành nghề kinh doanh sản phẩm thiết yếu nên xét về doanh thu và lợi nhuận thì sẽ đạt được mức độ ổn định cao, doanh thu và lợi nhuận tăng chủ yếu dựa trên sự tăng trưởng về số lượng khách hàng và giá nước sạch. Vì giá bán nước sạch do UBND tỉnh Bình Phước quyết định nên Công ty không thể chủ động điều chỉnh giá bán để tăng doanh thu và lợi nhuận. Tuy nhiên, theo quy định của UBND tỉnh Bình Phước thì khoảng 2 năm thì giá nước sẽ được điều chỉnh tăng một lần, mỗi lần tăng giá không quá 12%.

#### 1.1.2. Nguyên vật liệu

- Các nguyên vật liệu chính chủ yếu sử dụng trong sản xuất sản phẩm: phen nhôm, vôi, Clo, nước thô.
- Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty:

- Nhà máy hóa chất Biên Hòa. Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Số lượng mua năm 2014: 5.550 kg Clo.
  - Nhà máy hóa chất Tân Bình. Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Số lượng mua năm 2014: 97.700 kg phèn nhôm.
  - Cơ sở vôi Thành Phát. Địa chỉ: KCN Sóng Thần, quận Thủ Đức, tp Hồ Chí Minh. Số lượng mua năm 2014: 43.380 kg vôi
  - Công ty CP Thủy điện Thác Mơ. Số lượng mua năm 2014: 873.891 m<sup>3</sup> nước thô.
  - Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước. Số lượng mua năm 2014: 3.546.868 m<sup>3</sup> nước thô.
- Chế độ ưu đãi của nhà cung cấp đối với công ty: không có.
  - Mối quan hệ của Công ty với nhà cung cấp: giao dịch bằng hợp đồng nguyên tắc.
  - Nguồn cung nguyên vật liệu ổn định, Công ty chủ động được nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Giá nguyên vật liệu biến động ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, giá nguyên vật liệu tăng sẽ dẫn tới chi phí sản xuất tăng, lợi nhuận giảm và ngược lại.

### 1.1.3. Chi phí sản xuất, kinh doanh

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với Tổng doanh thu qua các năm từ năm 2012 đến năm 2014 như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu
Giá vốn hàng bán	18.371.635	62,76%	20.958.926	57,31%	21.942.140	56,32%
Chi phí bán hàng	2.053.338	7,01%	2.308.833	6,31%	2.141.441	5,50%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.198.263	17,76%	7.907.416	21,62%	8.647.939	22,20%
Chi phí tài chính	33.480	0,11%	186.278	0,51%	26.202	0,07%
Chi phí khác	32.800	0,11%	46.971	0,13%	9.858	0,03%
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.689.516</b>	<b>87,76%</b>	<b>31.408.424</b>	<b>85,89%</b>	<b>32.767.580</b>	<b>84,10%</b>

Nguồn: BPWACO

Chi phí sản xuất kinh doanh là yếu tố luôn được Công ty dành sự quan tâm và đặt mục tiêu kiểm soát tốt trong quá trình sản xuất.

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí. Giá vốn hàng bán năm 2012 chiếm 72% tổng chi phí (tương đương 62,76% trên tổng doanh thu), giảm nhẹ xuống 67% (tương đương 57,31% trên tổng doanh thu) năm 2013 và năm 2014 tiếp tục duy trì với tỷ lệ tương đương. Tiếp đến là chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng gần 18% trên Tổng doanh thu năm 2012 và có xu hướng tăng dần lên 22% năm 2014.

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước là doanh nghiệp nhà nước chịu sự quản lý của UBND tỉnh Bình Phước có nhiệm vụ cung cấp nước cho dân cư tại thị xã Đồng Xoài; Phước Long; Bình Long và Minh Hưng. Hiện nay, chi phí sản xuất nước sạch là không cao so với chi phí sản xuất nước của các Công ty khác cùng ngành. Cụ thể, khi so sánh bảng giá nước bán ra của một số tỉnh thành lân cận tỉnh Bình Phước thì đơn giá nước của Công ty chênh lệch không nhiều so với các tỉnh thành khác. Ngoài ra, đơn giá bán nước sạch của Công ty được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt đảm bảo Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi cũng như phù hợp mức thu nhập của dân cư trên địa bàn tỉnh. Mặt khác, các dịch vụ cấp nước sạch được các cơ quan ban ngành đánh giá tốt về chất lượng nước sạch. Tuy nhiên sản phẩm và dịch vụ hiện nay của Công ty đôi lúc vẫn còn nhiều hạn chế và đang trong quá trình cải thiện và mở rộng sản xuất.

Nhìn chung, tổng chi phí của Công ty bình quân chiếm khoảng từ 84-87% tổng doanh thu như hiện nay là khá cao. Vì vậy, trong thời gian sắp tới, Công ty dự kiến sẽ thực hiện một số giải pháp để giảm chi phí bao gồm:

- Xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu, điện năng .... để giảm thiểu chi phí sản xuất, vận hành. Lập kế hoạch mua sắm vật tư để đáp ứng việc sản xuất không bị gián đoạn, giảm thiểu tối đa biến động giá của vật tư hàng hóa.
- Tận dụng công suất máy móc thiết bị như chấp hàng đúng định mức sử dụng thiết bị, chấp hành nghiêm chỉnh chế độ bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên máy móc thiết bị, tổ chức sản xuất.
- Tiết kiệm chi phí sản xuất chung: hiện nay, Công ty đã và đang thực hiện tốt công tác quản lý chi phí sản xuất chung. Vì thế, Công ty cần tiếp tục duy trì để giảm thiểu chi phí. Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là cần nâng cao ý thức tiết kiệm của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty thông qua: chương trình tiết kiệm, khẩu hiệu cổ động, huấn luyện nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức tiết kiệm.
- Cải tiến tổ chức sản xuất, cải tiến tổ chức lao động, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ, nâng cao trình độ cơ giới hoá, tự động hoá, hoàn thiện định mức lao động, tăng cường kỹ thuật lao động, áp dụng các hình thức tiền lương, tiền thưởng và trách nhiệm vật chất để kích thích lao động, đào tạo nâng cao trình độ kỹ thuật công nhân.

#### *1.1.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới*

Hiện Công ty đã và đang mở rộng thị trường mới. Công ty luôn cố gắng cải thiện, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng ở mức tốt nhất.

#### 1.1.5. Hoạt động Marketing

Bộ phận chăm sóc khách hàng đảm nhận công việc marketing dịch vụ và thương hiệu Công ty. Với đặc thù là doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước, là ngành chưa có tính cạnh tranh nên BPWACO đôi lúc chưa chú trọng đến hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu.

Chính sách chiến lược về giá của Công ty: Lộ trình tăng giá nước 02 năm 1 lần tăng 6%/ năm, theo Quyết định số 2149/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 27 tháng 9 năm 2011 về phê duyệt lộ trình tăng giá nước sạch.

#### 1.1.6. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

##### ▪ **Vị thế của Công ty trong ngành**

Do đặc thù của hoạt động cấp nước, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của BPWACO chủ yếu là mở rộng và cải tạo mạng lưới phân phối, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu cấp thoát nước của địa bàn Thị xã Đồng Xoài, Phước Long, Bình Long và huyện Chơn Thành.

##### ▪ **Triển vọng phát triển của ngành**

Về triển vọng phát triển của ngành, nước sạch là mặt hàng thiết yếu cho của sinh hoạt và hoạt động sản xuất kinh doanh, khi kinh tế ngày càng phát triển thì nhu cầu nước sạch ngày càng nâng cao vì thế ngành cấp thoát nước luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Chính phủ.

Ngoài ra công ty vừa khánh thành nhà máy nước công suất 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm đủ cung cấp nước sạch cho 5 phường, và vùng phụ cận ngoại ô thị xã Đồng Xoài và các khu công nghiệp lân cận. Với 69.069 m ống, trong đó tuyến ống truyền tải 8.179 m; Tuyến ống phân phối 57.887 m; tuyến ống nước thô là 3.003 m được đầu tư mở rộng sẽ cung cấp, phục vụ 100% hộ dân có hệ thống cấp nước đi qua. Nếu nhu cầu nước sạch trên địa bàn tăng, nhà máy sẽ nâng cấp công suất lên 40.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm vào năm 2020, để đảm bảo đủ nguồn nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất đến năm 2030.

##### ▪ **Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty**

Cùng với việc đầu tư xây dựng, cải tạo các nhà máy xử lý nước, thường xuyên duy tu, sửa chữa và thay thế các thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất, Công ty còn tập trung đầu tư cho các công tác quản lý chất lượng nước để luôn đảm bảo đạt “Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước ăn uống”.

Trong những năm vừa qua, BPWACO đã tập trung cải tạo nâng cấp các nhà máy cũ; đầu tư xây dựng nhà máy mới với công nghệ hiện đại; từng bước ứng dụng công nghệ tiên tiến trong xử lý nước; sử dụng các loại vật tư mới trong sản xuất và truyền tải nước... để đảm bảo chất lượng nước sản xuất ra luôn đạt yêu cầu về nước uống của Bộ Y Tế quy định.

Như vậy định hướng của Công ty hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

## 1.1.7. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện Công ty đang sử dụng logo sau để làm thương hiệu cho sản phẩm, dịch vụ của Công ty:



## 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hóa được tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012*	Năm 2013	Năm 2014
1	Vốn Chủ sở hữu (không bao gồm số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi)	70.303.454.154	89.532.705.377	162.517.771.062
2	Nợ phải trả	49.470.847.675	32.488.896.728	186.838.781.907
2.1	Nợ ngắn hạn	34.904.993.878	15.135.656.777	37.292.370.944
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-
2.2	Nợ dài hạn	14.565.853.797	17.353.239.951	149.546.410.963
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-
2.3	Nợ khác	-	-	-
3	Nợ phải thu Trong đó:	6.165.852.404	11.418.885.787	54.812.756.864
3.1	Nợ ngắn hạn	6.165.852.404	11.418.885.787	54.812.756.864
3.2	Nợ dài hạn	-	-	-
4	Tổng số lao động (người)	91	95	101
5	Tổng quỹ lương	5.514.843.466	8.842.944.392	10.293.750.436
6	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng	4.415.302	7.122.903	7.589.000
7	Doanh thu thuần	28.130.152.108	35.296.767.165	37.647.466.600
8	Giá vốn hàng bán	18.371.635.440	20.958.926.156	21.942.139.959
9	Tổng tài sản	119.774.301.829	122.021.602.105	349.356.552.969
10	Lợi nhuận trước thuế	3.581.933.952	5.160.645.621	6.195.468.017

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012*	Năm 2013	Năm 2014
11	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	2.873.591.463	3.843.068.219	4.818.969.599
12	Tỷ suất LNST/ Vốn Chủ sở hữu	0,04	0,04	0,03

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 2014 của BPWACO

Ghi chú: (\*): Số liệu tài chính năm 2012 được lấy theo số đầu năm của BCTC kiểm toán năm 2013 do kể từ năm 2013 trở đi, BCTC kiểm toán của Công ty là báo cáo được hợp nhất từ BCTC của Công ty và BCTC của Ban quản lý dự án.

Một số chỉ số tài chính của Công ty trong giai đoạn 03 năm trước cổ phần hóa:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,82	3,01	3,02
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,65	2,60	2,75
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,41	0,27	0,53
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,70	0,36	1,15
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,57	3,42	2,75
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,25	0,29	0,16
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,22	10,89	12,80
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	4,76	4,81	3,82
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,59	3,18	2,04
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	12,50	14,75	16,48

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và 2014 của BPWACO

Trong giai đoạn 2012 – 2014, chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty tăng qua các năm và duy trì ở mức an toàn cao trong năm 2013 và 2014. Cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn tăng mạnh từ 0,82 lần năm 2012 lên 3,01 lần năm 2013 và duy trì ở mức 3,02 lần vào năm 2014. Hệ số thanh toán nhanh cũng tăng theo chiều hướng tương tự, tăng từ 0,65 lần trong năm 2012 lên 2,75 lần trong năm 2014.

Về cơ cấu vốn, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn có giảm vào năm 2013 và tăng khá cao vào năm 2014 do trong năm 2013, chủ yếu các tài sản cố định của Công ty được đầu tư từ vốn ngân sách, nhưng đến năm 2014 thì Công ty tiếp nhận đầu tư nhiều dự án có nguồn vốn từ ngân sách và vốn vay, trong đó vốn vay chiếm tỷ trọng lớn hơn khiến các chỉ tiêu

về cơ cấu vốn tăng khá cao. Hệ số nợ trên tổng tài sản vẫn thể hiện mức độ an toàn trong cơ cấu vốn của Công ty. Tuy nhiên, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2014 tăng đột biến lên 1,15 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2014, khoản vay và nợ dài hạn của Công ty cho Tiểu dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài tăng từ 5,5 tỷ đồng lên 139,3 tỷ đồng. Đây là khoản vay giữa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước và Bộ tài chính Việt Nam. Như vậy, trong thời gian tới, Công ty cần lưu ý cẩn trọng hơn trong các quyết định về tài chính và chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để đảm bảo sự an toàn cho hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động và khả năng sinh lời của Công ty khá ổn định trong giai đoạn 2012 - 2014. Chỉ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng dần từ 10,22% năm 2012 lên 12,8% năm 2014, lợi nhuận từ HĐSXKD trên doanh thu thuần tăng từ 12,5% năm 2012 lên 16,48% năm 2014 thể hiện sự phát triển và ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong khi đó, các chỉ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu hay tổng tài sản giảm trong năm 2014 là do Công ty đang đầu tư xây dựng dở dang nhiều dự án cấp và thoát nước, các công trình này lại chưa hoàn thành nên chưa có đóng góp vào lợi nhuận sau thuế của Công ty. Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2012-2014 thể hiện sự tăng trưởng ổn định. Đây cũng là nỗ lực của Ban quản lý cũng như toàn thể CBCNV của Công ty nhằm đem lại sự phát triển vững mạnh cho Công ty.

### **3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **▪ Thuận lợi**

- BPWACO nhận được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bình Phước, hỗ trợ các cơ quan ban ngành và chính quyền địa phương các cấp.
- Ban Lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.
- BPWACO đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong hoạt động cấp nước như xây dựng hệ thống mạng cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước, gia tăng áp lực nước...
- Đặc thù của sản phẩm nước sạch là không có đối thủ cạnh tranh trên địa bàn Công ty cung cấp nước nên hoạt động cung cấp nước mang tính ổn định cao.
- Ứng dụng kịp thời các tiến bộ khoa học vào trong công tác quản lý điều hành đem lại hiệu quả cao.

#### **▪ Khó khăn**

- Giá bán nước sạch do UBND tỉnh Bình Phước quyết định nên không có sự linh hoạt trong cơ chế giá bán ra khi giá thành nước sạch Công ty sản xuất tăng cao, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của Công ty.



- Hệ thống đường ống cấp nước của Công ty hiện nay có một phần đường ống làm từ chất liệu sắt tráng kẽm, gang và ống uPVC. Đây là các chất liệu dễ gây ra tỷ lệ thất thoát nước cao. Tỷ lệ thất thoát nước của Công ty hiện nay là khoảng 25%. Công ty đang có kế hoạch thay thế dần các tuyến ống này.
- Số lượng CB-CNV Công ty có trình độ không đồng đều, cán bộ kỹ thuật chuyên ngành thiếu so với yêu cầu

## PHẦN V

# PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

### I. TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**
- Tên viết tắt : BPWACO
- Tên tiếng Anh : BINH PHUOC WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính : Đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố Phú Tân, Phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.
- Điện thoại : (84.651) 388 7548
- Fax : (84.651) 388 7548
- Website : [www.bpwaco.com.vn](http://www.bpwaco.com.vn)
- Email : [capthoatnuocbp@bpwaco.com.vn](mailto:capthoatnuocbp@bpwaco.com.vn)

### II. VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

#### 1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Căn cứ vào kết quả xác định giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 01/01/2015 và để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa, vốn điều lệ của Công ty dự kiến như sau:

- Vốn điều lệ Công ty : 107.720.000.000 đồng (*Một trăm lẻ bảy tỷ bảy trăm hai mươi triệu đồng*)
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng
- Số lượng cổ phần : 10.772.000 cổ phần

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty có công trình xây dựng cơ bản dở dang là Tiểu dự án mở rộng hệ thống cấp nước Đồng Xoài 20.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm và đã ghi nhận trên sổ sách kế toán giá trị đầu tư dự án theo giá trị thực tế phát sinh đến thời điểm 31/12/2014. Vì vậy, phần giá trị đầu tư của dự án nhận từ nguồn ngân sách nhà nước đến thời điểm 31/12/2014 đã được ghi nhận trong vốn điều lệ nêu trên. Tuy nhiên, tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, Công ty vẫn đang tiếp tục đầu tư xây dựng dự án này từ nguồn vốn ngân sách và vốn vay từ World Bank theo Quyết định đầu

tư số 2204/QĐ-UBND ngày 6/10/2011. Công ty dự kiến hoàn thành dự án vào năm 2016. Do đó, sau khi Công ty hoàn thành dự án và thực hiện quyết toán giá trị đầu tư của dự án, Công ty cổ phần sẽ thông qua đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện tăng vốn điều lệ tương ứng với phần vốn ngân sách đầu tư cho dự án phát sinh sau thời điểm 31/12/2014. Phần vốn tăng thêm sẽ được cộng vào phần vốn nhà nước nắm giữ tại Công ty cổ phần.

Căn cứ Công văn số 2505/UBND-KTTH ngày 07/08/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc triển khai kết luận của Thường trực tỉnh ủy về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tỷ lệ nhà nước nắm giữ tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước sau khi doanh nghiệp cổ phần hóa là 64% vốn điều lệ.

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần dự kiến như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước	6.894.080	68.940.800.000	64,00%
2	CBCNV mua ưu đãi	241.600	2.416.000.000	2,24%
2.1	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	88.900	889.000.000	0,82%
2.2	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>	152.700	1.527.000.000	1,42%
3	Công đoàn Công ty	-	-	-
4	Nhà đầu tư chiến lược	1.818.160	18.181.600.000	16,88%
5	Nhà đầu tư bên ngoài mua cổ phần thông qua đấu giá	1.818.160	18.181.600.000	16,88%
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.772.000</b>	<b>107.720.000.000</b>	<b>100%</b>

## 2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc các doanh nghiệp nhà nước tập trung hoạt động các ngành nghề kinh doanh chính, Công ty tiếp tục duy trì các ngành nghề kinh doanh hiện có, cụ thể như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và kinh doanh - Khoan thăm dò và khai thác nước ngầm	3600 (chính)
02	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công xây lắp sửa chữa công trình cấp thoát và dân dụng	4290

STT	Tên ngành	Mã ngành
03	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, khảo sát, thiết kế, lập dự án, dự toán, đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước và dân dụng, giám sát kỹ thuật các công trình cấp thoát nước và dân dụng	7110
04	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh vật tư và các dịch vụ chuyên ngành cấp thoát nước	4659
05	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải	3700

### 3. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Việc thành lập HDQT, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc sẽ tuân theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành về công ty cổ phần. Cơ sở hoạt động của công ty cổ phần là Điều lệ, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp, tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang công ty cổ phần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.
- Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch, dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa.
- Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động; xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.
- Công ty cũng sắp xếp lại và củng cố một số phòng ban để tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được Ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng. Hoạt động này nhằm bố

trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.

Cơ cấu tổ chức của Cấp nước Bình Phước giai đoạn sau cổ phần hóa dự kiến như sau:

**Ban quản lý điều hành Công ty:**

- Hội đồng Quản trị : 05 người
- Tổng Giám đốc : 01 người
- Phó Tổng Giám đốc : 02 người
- Kế toán trưởng : 01 người
- Ban Kiểm soát : 03 người (1 chuyên trách và 02 kiêm nhiệm)

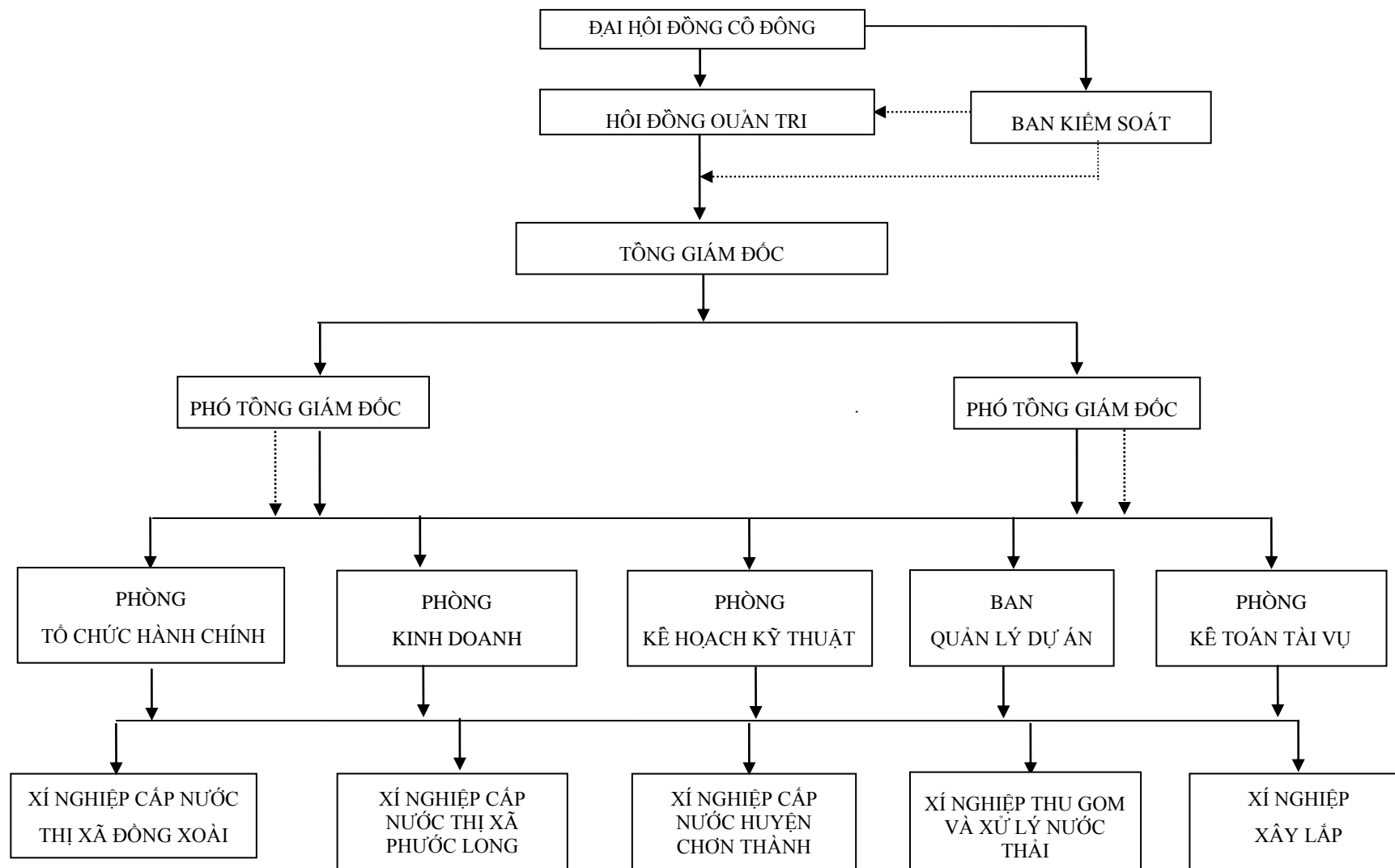
**Các phòng nghiệp vụ Công ty:**

- Phòng Tổ chức – Hành chính: 09 người
- Phòng Kế toán – Tài vụ: 09 người
- Phòng Kinh doanh: 05 người
- Phòng Kế hoạch Kỹ thuật: 17 người
- Ban quản lý dự án: 10 người

**Các đơn vị trực thuộc:** Gồm 05 đơn vị:

- Xí nghiệp xây lắp: 10 người
- Xí nghiệp xử lý nước thải: 25 người
- Xí nghiệp cấp nước Thị xã Đồng Xoài: 55 người
- Xí nghiệp cấp nước Thị xã Phước Long: 25 người
- Xí nghiệp cấp nước huyện Chơn Thành: 15 người

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**



#### 4. Chiến lược phát triển sau cổ phần hóa

Nhận thức và đánh giá được những thuận lợi, khó khăn thử thách trong thời gian tới, sau khi cổ phần hóa, để Công ty tồn tại và phát triển bền vững, BPWACO định hướng sẽ phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa với các mục tiêu phù hợp với đề án tái cơ cấu doanh nghiệp, tập trung triển khai các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Nâng công suất sản xuất theo Quy hoạch được phê duyệt;
- Đầu tư cải tạo mở rộng mạng lưới cấp nước Thị xã Đồng Xoài và khu vực phụ cận; thị xã Phước Long, công nghiệp Minh Hưng III.
- Nâng cấp các đội cấp nước và đội Xây lắp thành xí nghiệp;
- Dự kiến thành lập Xí nghiệp thu gom và xử lý nước thải để vận hành Nhà máy xử lý nước thải phục vụ công ích khi Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước có quyết định giao cho Công ty quản lý và vận hành Nhà máy xử lý nước thải này. Trong trường hợp Nhà máy xử lý nước thải này được giao cho đơn vị khác thì Công ty cũng sẽ bàn giao nguyên trạng xí nghiệp thu gom và xử lý nước thải cho đơn vị tiếp quản nhà máy.
- Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác sản xuất và quản lý chất lượng nước, đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế.
- Quản lý và chăm sóc khách hàng tốt, bảo đảm chất lượng vật tư, nguyên vật liệu được kiểm soát nghiêm ngặt, tăng cường các biện pháp chống thất thoát hữu hình và vô hình. Xây dựng thương hiệu và hình ảnh công ty văn minh, hiện đại,
- Thực hiện cải tiến công tác quản lý để phù hợp theo mô hình mới - công ty cổ phần nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty hoàn tất thủ tục công ty đại chúng, đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### 5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa

Trên cơ sở các định hướng chiến lược và kế hoạch phát triển nêu trên, dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần trong 05 năm tới như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015 (Ước TH)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>A</b>	<b>Các chỉ tiêu sản xuất</b>						
1	Sản lượng nước sản xuất (m <sup>3</sup> )	5.980.863	6.992.399	8.169.186	9.300.350	10.053.971	10.729.032

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015 (Ước TH)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	Tỷ lệ tăng trưởng (%)		16,91%	16,83%	13,85%	8,10%	6,71%
2	Sản lượng nước tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	4.452.977	5.265.203	6.205.932	7.133.328	7.712.219	8.230.549
	Tỷ lệ tăng trưởng (%)		18,24%	17,87%	14,94%	8,12%	6,72%
3	Tỷ lệ hao hụt (%)	26	25	24	23	23	23
4	Giá nước bình quân (đồng/ m <sup>3</sup> )	10.780	10.780	11.858	11.858	13.044	13.044
	Tỷ lệ tăng trưởng (%)		0,00%	10,00%	0,00%	10,00%	0,00%
<b>B</b>	<b>Các chỉ tiêu tài chính (Đơn vị tính: triệu đồng)</b>						
1	Vốn điều lệ	107.720	135.100	135.100	135.100	135.100	135.100
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>41.793</b>	<b>49.231</b>	<b>62.288</b>	<b>70.202</b>	<b>80.351</b>	<b>86.736</b>
2.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.888	48.327	61.384	69.298	79.447	85.632
	Tỷ lệ tăng trưởng (%)		17,79%	27,02%	12,89%	14,65%	7,79%
2.1.1	Doanh thu hoạt động sản xuất nước Trong đó:	38.524	45.763	58.809	66.673	76.772	82.907
	▪ Sinh hoạt gia đình	20.052	25.259	31.233	36.891	40.642	43.349
	▪ Cơ quan hành chính sự nghiệp	7.278	7.484	7.424	7.695	7.214	6.461
	▪ Sản xuất vật chất	5.605	10.377	10.902	11.363	11.645	13.181
	▪ Kinh doanh dịch vụ	2.086	2.643	3.903	4.663	5.121	5.526
2.1.2	Doanh thu lắp đặt đồng hồ	2.289	2.489	2.500	2.550	2.600	2.650
2.1.3	Doanh thu bán lẻ vật tư	75	75	75	75	75	75
2.2	Doanh thu hoạt động tài chính	905	904	904	904	904	1.104
<b>3</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>37.409</b>	<b>67.029</b>	<b>75.840</b>	<b>80.390</b>	<b>83.416</b>	<b>86.008</b>
3.1	Giá vốn hàng bán	26.014	41.910	47.138	51.627	55.273	58.135
3.1.1	Giá vốn sản xuất	23.772	39.477	44.696	49.137	52.735	55.550



Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015 (Ước TH)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	<i>nước sạch</i> <i>Trong đó:</i>						
	▪ <i>Khấu hao TSCĐ các nhà máy cũ (tính theo giá trị định giá lại)</i>	6.174	10.460	10.460	10.460	10.460	9.152
	▪ <i>Khấu hao nhà máy Đồng Xoài 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.</i>	-	9.472	10.996	10.996	10.996	10.996
3.1.2	<i>Giá vốn lắp đặt đồng hồ</i>	2.175	2.365	2.375	2.423	2.470	2.518
3.1.3	<i>Giá vốn bán lẻ vật tư</i>	68	68	68	68	68	68
3.2	<i>Chi phí tài chính</i>	23	14.561	17.651	17.424	16.752	16.302
3.2.1	<i>Phí quản lý vốn vay ODA pháp</i>	23	22	19	15	13	9
3.2.2	<i>Lãi + phí vốn vay World Bank</i>	-	14.539	17.632	17.409	16.739	16.293
3.3	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	9.403	8.915	9.300	9.578	9.707	9.984
3.4	<i>Chi phí bán hàng</i>	1.968	1.643	1.751	1.761	1.684	1.587
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>14.874</b>	<b>6.417</b>	<b>14.246</b>	<b>17.671</b>	<b>24.174</b>	<b>27.497</b>
5	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	4.385	(17.799)	(13.552)	(10.190)	(3.065)	727
6	<i>Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ</i>	4,07%	-	-	-	-	0,54%
<b>7</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>3.420</b>	<b>(17.799)</b>	<b>(13.552)</b>	<b>(10.190)</b>	<b>(3.065)</b>	<b>727</b>
8	<i>Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ</i>	3,17%	-	-	-	-	0,54%
9	<i>Phân phối lợi nhuận</i>	2.513	-	-	-	-	-
	▪ <i>Chia cổ tức</i>		-	-	-	-	-
	▪ <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	1.896	-	-	-	-	-
	▪ <i>Quỹ khen thưởng ban điều hành</i>	228	-	-	-	-	-

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015 (Ước TH)	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
	▪ Quỹ Đầu tư phát triển (15%-30%/LNST)	389	-	-	-	-	-
10	Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-
11	Tổng số lao động (người)	96	104	107	111	114	115
12	Tổng quỹ lương	9.867	10.215	10.434	10.752	11.071	11.195
13	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng	7.707	7,707	7,707	7,707	7,707	7,707

Nguồn: BPWACO

#### ❖ Thuyết minh số lỗ kế hoạch 04 năm đầu sau cổ phần hóa:

Theo dự tính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ bị lỗ trong 04 năm đầu sau cổ phần hóa, nguyên nhân chính như sau:

**Nguyên nhân thứ nhất**: Hàng năm, Công ty phải trích khấu hao thêm (xấp xỉ ba tỷ đồng) trong giai đoạn từ 2016 đến 2020, do Công ty phải tiếp tục trích khấu hao cho phần giá trị chênh lệch tăng thêm (khoảng 27 tỷ đồng) do đánh giá lại tài sản cố định khi thực hiện cổ phần hóa.

**Nguyên nhân thứ hai**: Năm 2016, Công ty sẽ bắt đầu trích khấu hao tài sản cố định của nhà máy thuộc Tiểu dự án mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài 20.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm (mức trích khấu hao khoảng 10,9 tỷ đồng/năm), do: cuối năm 2015, Công ty sẽ hoàn thành, đưa vào sử dụng nhà máy thuộc Tiểu dự án mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài 20.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm với tổng mức đầu tư được phê duyệt là khoảng 323 tỷ đồng theo Quyết định đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 6/10/2011.

**Nguyên nhân thứ ba**: Khoảng giữa năm 2016, Công ty sẽ bắt đầu phải trả lãi hàng năm (mức lãi suất khoảng 6,95%/năm) cho khoản vay từ World Bank trị giá khoảng 257 tỷ đồng. Cụ thể, ước tính chi phí lãi vay trong năm 2016 là khoảng 14,6 tỷ đồng, tương ứng trong năm 2017, 2018, 2019 và 2020 là khoảng 17,6 tỷ, 17,4 tỷ, 16,7 tỷ và 16,2 tỷ đồng.

Vì vậy, mặc dù các chỉ tiêu về khả năng sản xuất và doanh thu của Công ty có chiều hướng tăng khá cao trong 5 năm sau cổ phần hóa nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 4 năm đầu từ 2016-2019 lại có lỗ, đến năm 2020 Công ty mới bắt đầu có lợi nhuận

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong 5 năm sau cổ phần hóa của Công ty được trình bày cụ thể như sau:

➤ **Về các chỉ tiêu sản xuất:**

Năm 2015, Công ty đã bắt đầu đưa nhà máy mới ở Đồng Xoài thuộc Tiểu dự án mở rộng hệ thống cấp nước Đồng Xoài 20.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm vào hoạt động với công suất 30% công suất thiết kế. Dự kiến cuối năm 2015, Công ty sẽ hoàn thành xây dựng toàn bộ dự án này và đưa 50% công suất của nhà máy mới vào hoạt động trong năm 2016. Cụ thể, công suất dự kiến của nhà máy mới tại Đồng Xoài trong giai đoạn 2016-2020 như sau:

Nhà máy mới tại Đồng Xoài	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Công suất dự kiến (%/ công suất thiết kế)	30%	50%	70%	80%	90%	100%

Việc đưa nhà máy mới và hiện đại này vào sản xuất giúp sản lượng sản xuất của Công ty trong giai đoạn 2016-2020 tăng nhanh. Đồng thời các hộ dân tại tỉnh Bình Phước có xu hướng chuyển từ sử dụng nước giếng sang nước máy ngày càng cao cũng là một lý do khiến sản lượng sản xuất và tiêu thụ dự kiến của Công ty tăng trưởng ổn định qua các năm. Từ năm 2017-2020 tỷ lệ tăng trưởng giảm dần từ 16,83% năm 2017 xuống 6,72% năm 2020 do công suất nhà máy mới đã bắt đầu tăng chậm lại kể từ năm 2017. Do đó, sản lượng sản xuất giai đoạn này chỉ phụ thuộc vào nhu cầu tiêu thụ nước của địa phương.

Tỷ lệ hao hụt nước hiện tại của Công ty khoảng 26%. Dự kiến sau khi đưa toàn bộ mạng lưới phân phối nước mới vào hoạt động, nâng cao chất lượng và thay thế mới các đồng hồ nước đã cũ, tỷ lệ hao hụt sẽ giảm xuống còn 25% vào năm 2016, 24% năm 2017 và 23% vào các năm 2018, 2019, 2020 do giảm được khả năng thất thoát nước do rò rỉ đường ống và thất thoát do sai số của đồng hồ nước.

Theo quy định, khoảng 2 năm thì UBND tỉnh sẽ điều chỉnh tăng giá nước một lần, mỗi lần tăng không quá 12%. Công ty giả định giá bán nước sẽ được điều chỉnh theo lộ trình 2 năm tăng một lần, năm 2015 giá tiêu thụ nước sạch đã được điều chỉnh tăng, như vậy dự kiến giá nước sẽ tiếp tục được điều chỉnh tăng vào năm 2017 và 2019 với mức tăng là 10%.

➤ **Về các chỉ tiêu tài chính:**

+ **Tổng doanh thu:** Tổng doanh thu của Công ty đến từ doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu từ hoạt động tài chính. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng chủ yếu, khoảng 98% trong cơ cấu tổng doanh thu và có xu hướng tăng nhanh trong giai đoạn 2016-2020 trong khi doanh thu từ hoạt động tài chính chỉ chiếm khoảng 2% tổng doanh thu và ổn định qua các năm. Trong cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì hoạt động sản xuất nước dao động khoảng 95%-97%, trong khi các hoạt động lắp đặt đồng hồ và bán lẻ vật tư chiếm phần tỷ trọng nhỏ còn lại và ổn định trong giai đoạn 2016-2020. Như vậy, việc tăng trưởng doanh thu về bán hàng cũng

như tổng doanh thu gắn liền với việc tăng trưởng doanh thu hoạt động sản xuất nước. Trong năm 2017, doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng xấp xỉ 27% so với năm 2016, và dự kiến tỷ lệ tăng trưởng tương ứng trong các năm 2018, 2019, 2020 là 12,89%, 14,65% và 7,79%. Nhìn chung doanh thu tăng cùng chiều hướng với sản lượng sản xuất. Tuy nhiên, doanh thu tăng đột biến trong năm 2017 và 2019 do việc điều chỉnh tăng giá nước trong 2 năm này.

+ **Tổng chi phí:** Trong cơ cấu tổng chi phí, giá vốn hàng bán (đã bao gồm chi phí khấu hao) chiếm tỷ trọng lớn nhất, dao động trong khoảng 62% - 68%. Tiếp đến là chi phí tài chính chiếm khoảng 19% - 23%. Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm khoảng 12% - 13% và chi phí bán hàng khoảng 2% trên tổng chi phí. Xét về tương quan với tổng doanh thu giai đoạn 2016-2020 thì giá vốn hàng bán chiếm khoảng 67% - 85% trên tổng doanh thu, chi phí tài chính chiếm 19% - 30%, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 12% - 18% và chi phí bán hàng chiếm khoảng 2% - 3%. Trong khi đó, ở giai đoạn 2012-2014, giá vốn hàng bán chiếm khoảng 67%-72% tổng doanh thu, chi phí tài chính chỉ chiếm khoảng 0,07% - 0,51%, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm khoảng 18% - 20% và chi phí bán hàng là khoảng 5% - 7%. Có thể thấy trong giai đoạn 2016 - 2020, dự kiến tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng trên tổng doanh thu giảm đáng kể. Như vậy việc giá vốn hàng bán và chi phí tài chính tăng cao là lý do chính dẫn đến tổng chi phí tăng. Nguyên nhân của việc tăng giá vốn hàng bán và chi phí tài chính như sau:

- **Chi phí khấu hao:** Chi phí khấu hao được bao gồm trong giá vốn hàng bán, cụ thể là trong hạng mục giá vốn sản xuất nước sạch. Trong giai đoạn 2012 – 2014, chi phí khấu hao TSCĐ chỉ chiếm khoảng 6,5% - 7,5% giá vốn hàng bán. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2016-2020, chi phí khấu hao chiếm khoảng 26% - 34% giá vốn hàng bán. Trong đó, khoảng 50% chi phí khấu hao đến từ việc Công ty phải tiếp tục trích khấu hao cho các nhà máy cũ và phân bổ thêm giá trị chênh lệch do đánh giá lại tài sản cố định thuộc các nhà máy cũ này khi thực hiện cổ phần hóa. Theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01/01/2015, giá trị chênh lệch của tài sản cố định khi đánh giá lại so với giá trị sổ sách là khoảng 27 tỷ đồng. Như vậy, từ 2016 – 2020, ước tính mỗi năm Công ty phải trích khấu hao thêm cho khoản chênh lệch này là xấp xỉ 3 tỷ đồng. Bên cạnh đó, cuối năm 2015, Công ty sẽ hoàn thành việc xây dựng Tiểu dự án mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài 20.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm với tổng mức đầu tư được phê duyệt là khoảng 323 tỷ đồng theo Quyết định đầu tư số 2204/QĐ-UBND. Vì vậy, Công ty sẽ bắt đầu trích khấu hao cho nhà máy mới này vào năm 2016. Ước tính kể từ 2016, Công ty sẽ phải trích khấu hao TSCĐ của nhà máy mới này với giá trị khoảng 9,5 tỷ đồng và mỗi năm giai đoạn 2017-2020 là khoảng 10,9 tỷ đồng. Đó là các nguyên nhân chính dẫn đến việc giá vốn hàng bán trong giai đoạn 2016-2020 tăng cao.
- **Chi phí tài chính:** chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là chi phí lãi vay từ World Bank đầu tư cho Tiểu dự án mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài 20.000

m<sup>3</sup>/ ngày đêm theo Quyết định đầu tư số 2204/QĐ-UBND. Theo kế hoạch được phê duyệt, dự án có tổng mức đầu tư là 323.934.477.000 đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách là 53.934.477.000 đồng, tương đương 16% tổng mức đầu tư và nguồn vốn vay từ World Bank là 270.000.000.000 đồng, chiếm 84% tổng mức đầu tư. Tuy nhiên, trên thực tế, tiến độ đầu tư và nguồn vốn đầu tư dự kiến của dự án được Công ty ước tính dựa trên các giá trị và hợp đồng phát sinh thực tế như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Tiểu dự án mở rộng HTCN TX. Đồng Xoài 20.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Giá trị đã ghi nhận đến thời điểm 31/12/2014		Giá trị dự kiến phát sinh sau thời điểm 31/12/2014		Tổng cộng
	Nguồn vốn ngân sách	Vốn vay World Bank	Nguồn vốn ngân sách	Vốn vay World Bank	
Các gói thầu đã hoàn thành	14.526.154.425	75.700.450.573	1.870.713.727	3.473.419.965	95.570.738.690
Các gói thầu chưa hoàn thành	7.225.781.081	62.382.781.059	25.473.076.349	115.352.039.895	210.433.678.384
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.751.935.506</b>	<b>138.083.231.632</b>	<b>27.343.790.076</b>	<b>118.825.459.860</b>	<b>306.004.417.074</b>
<b>Tổng nguồn vốn ngân sách dự kiến (16% tổng vốn đầu tư dự kiến)</b>					<b>49.095.725.582</b>
<b>Tổng nguồn vốn vay World Bank dự kiến (84% tổng vốn đầu tư dự kiến)</b>					<b>256.908.691.492</b>

Như vậy, nhà máy mới thuộc dự án này có tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 306 tỷ đồng và có nguồn vốn đầu tư từ vốn vay World Bank chiếm 84% tổng giá trị dự án. Do đó, dự kiến khi hoàn thành dự án vào cuối năm 2015 và giải ngân toàn bộ vốn đầu tư WB vào khoảng giữa năm 2016, Công ty sẽ bắt đầu phải trả lãi hàng năm cho khoản vay từ World Bank trị giá khoảng 257 tỷ đồng này với mức lãi suất khoảng 6,95%/năm. Cụ thể, ước tính chi phí lãi vay trong năm 2016 là khoảng 14,6 tỷ đồng, tương ứng trong năm 2017, 2018, 2019 và 2020 là khoảng 17,6 tỷ, 17,4 tỷ, 16,7 tỷ và 16,2 tỷ đồng. Khoản vay được trả trong vòng 20 năm và được ân hạn 5 năm. Dự kiến đến cuối năm 2017, Công ty sẽ bắt đầu trả nợ gốc cho World Bank. Trong giai đoạn 2017 – 2021, tỷ lệ cam kết trả nợ gốc là 1,25% trong 10 bán niên độ đầu tiên, tương ứng khoảng 6,4 tỷ đồng/ năm. Đó là lý do khiến khoản lãi vay giảm dần qua các năm.

+ **Vốn điều lệ:** Vốn điều lệ xác định cho năm 2015 là 107.720.000.000 đồng. Trong năm 2016, Công ty dự kiến sẽ thực hiện quyết toán tổng vốn đầu tư Tiểu dự án mở rộng hệ thống cấp nước Đồng Xoài 20.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm. Vì vậy, phần vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước phát sinh sau thời điểm 31/12/2014 ước tính là khoảng 27,3 tỷ đồng sẽ được Công ty cộng vào vốn điều lệ của Công ty cổ phần, nâng tổng mức vốn điều lệ dự kiến lên 135.100.000.000 đồng trong năm 2016.

+ **Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ:** doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty sau khi trừ đi giá vốn hàng bán (đã bao gồm chi phí khấu

hao) thì mang lại lợi nhuận gộp tương ứng là 6,4 tỷ, 14,2 tỷ, 17,6 tỷ, 24,2 tỷ và 27,5 tỷ đồng trong giai đoạn từ 2016-2020. Điều này chứng tỏ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty về cơ bản là có hiệu quả khá cao.

+ **Lợi nhuận trước thuế:** Mặc dù lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ phản ánh kết quả kinh doanh khả quan, nhưng việc chi trả khoản chi phí lãi vay và chi phí khấu hao cố định lớn trong khi công suất nhà máy mới đến năm 2020 mới bắt đầu hoạt động hết 100% dẫn đến việc trong 4 năm đầu sau cổ phần hóa, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị lỗ. Đây cũng là kết quả mà Công ty đã dự tính trước khi đầu tư dự án mở rộng hệ thống cấp nước Đồng Xoài. Tuy nhiên, đến năm 2020, sau khi các tài sản cố định thuộc các hệ thống nhà máy cũ đã được khấu hao gần hết, chi phí khấu hao bắt đầu giảm. Đồng thời, sau khi Công ty bắt đầu trả gốc khoản vay từ World Bank vào cuối năm 2017 thì chi phí trả lãi vay các năm sau cũng sẽ giảm dần. Do đó, dự kiến đến năm 2020, Công ty bắt đầu có lợi nhuận khoảng 727 triệu đồng. Với chiều hướng giảm được áp lực chi phí tài chính, chi phí khấu hao tài sản cố định qua các năm và với lợi thế độc quyền về ngành, sự phát triển văn minh đô thị của tỉnh Bình Phước, dự báo lợi nhuận của Công ty sẽ tiếp tục tăng cao và phát triển bền vững vào những năm sau 2020.

## 6. Biện pháp thực hiện

Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch giai đoạn – 2016 - 2020, Công ty sau cổ phần hóa sẽ tập trung thực hiện các biện pháp cụ thể như sau:

### ❖ **Biện pháp quản lý sản xuất:**

- Quản lý vận hành tốt hai nhà máy: Duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy, thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào.
- Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo luật Tài nguyên nước.
- Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

### ❖ **Biện pháp phát triển khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước:**

- Đầu tư, mở rộng mạng cấp nước về khu vực phía Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, KCN Tân Thành và Chơn Thành, KC CN Minh Hưng III. . .
- Thực hiện tốt các dịch vụ, chăm sóc khách hàng, tính toán giá nước hợp lý, khuyến khích người tiêu dùng gia tăng tiêu thụ.
- Cải tiến công tác ghi thu tiền nước, giảm tỷ lệ tồn ghi, tồn thu xuống mức thấp nhất.

### ❖ **Biện pháp tiết kiệm chi phí thông qua việc chống thất thoát nước:**

BPWACO sẽ tích cực thực hiện công tác chống thất thoát nước bằng các biện pháp cụ thể như:

- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: đầu tư mới, lựa chọn chủng loại đồng

hồ đạt tiêu chuẩn cao; kiểm định ban đầu, định kỳ; thay thế đồng hồ đến hạn kiểm định; tăng cường kiểm tra chống thất thoát qua đồng hồ.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch cải tạo mạng lưới cấp nước.
- Xây dựng chương trình phối hợp cộng đồng trong việc chống thất thoát nước.
- Tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực sửa chữa, đảm bảo phát hiện, sửa chữa nhanh chóng, kịp thời.

❖ ***Các biện pháp tiết kiệm chi phí khác:***

- Thực hiện tốt các bước trong quy trình xây dựng cơ bản, đầu tư trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên thứ tự hiệu quả đầu tư.
- Đảm bảo giá thành vật tư phù hợp với chủng loại và chất lượng sản phẩm.
- Chống lãng phí về thời gian lao động: định mức, định biên lại các công việc tại các Phòng, Ban, xí nghiệp để giảm chi phí và tăng thu nhập.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bổ sung đủ nhân lực theo định hướng sử dụng lao động thời vụ, tiến hành sắp xếp cải tiến công việc, định mức lại công việc.
- Xây dựng quy chế về Chi tiêu nội bộ, mua sắm trang thiết bị, đầu tư, xây dựng đối với các công trình do công ty đầu tư.

## PHẦN VI THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

### I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

#### 1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên (CBCNV) Công ty và các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

#### 2. Phương thức chào bán

##### 2.1 Cổ phần bán cho CBCNV

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

##### 2.1.1. Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”. Cụ thể:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày **02/11/2015** (thời điểm UBND tỉnh Bình Phước công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước để cổ phần hóa) là: **96** người;
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **91** người;
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **889** năm.
- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là **88.900 cổ phần** với tổng mệnh giá là **889.000.000 đồng** chiếm **0,82%** vốn điều lệ công ty cổ phần.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Giá bán: Bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược.

##### 2.1.2. Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần



Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”.

Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011: “2. Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau:

a) Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.”

Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước có **82** CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là **152.700 cổ phần**, tương ứng tổng mệnh giá là **1.527.000.000** chiếm **1,42%** vốn điều lệ công ty cổ phần. Trong đó, số cổ phần mà người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đăng ký mua là **80.500** cổ phần.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.

Giá bán: bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược.

## 2.2 Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn

Theo quy định tại Điểm c Mục 2 Điều 36, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì “Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần ưu đãi này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng. Trường hợp tổ chức công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được Đại

*hội cán bộ, công nhân viên chức tại doanh nghiệp cổ phần hóa ủy quyền sử dụng nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi để mua và thay mặt cán bộ công nhân viên chức quản lý cổ phần này thì số cổ phần này được giảm trừ vào số lượng cổ phần ưu đãi người lao động được mua theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này và tổ chức công đoàn được quyền chuyển nhượng hoặc mua lại số cổ phần được mua từ quỹ khen thưởng, phúc lợi khi có yêu cầu của người lao động. Giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa là giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này”.*

Tổ chức Công đoàn Công ty không đăng ký mua cổ phần.

### **2.3 Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược**

Tổng số cổ phần dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược là **1.818.160** cổ phần, tương ứng **18.181.600.000** đồng chiếm **16,88%** vốn điều lệ của công ty cổ phần.

Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì “Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm”.

Căn cứ Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND Tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước có 1 nhà đầu tư chiến lược là Công ty Cổ phần sản xuất – Xây dựng – Thương mại và Nông nghiệp Hải Vương đăng ký mua **1.818.160** cổ phần, tương ứng **18.181.600.000** đồng chiếm **16,88%** vốn điều lệ của Công ty Cổ phần.

Phương thức bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược: Theo phương thức thỏa thuận trực tiếp và được thực hiện trước khi bán đấu giá công khai.

### **2.4 Cổ phần bán đấu giá công khai ra bên ngoài**

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổng số lượng cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài: **1.818.160** cổ phần, chiếm **16,88%** vốn điều lệ.
- Giá khởi điểm là **10.000** đồng/cổ phần.
- Thời gian bán đấu giá: Dự kiến tháng 12/2015, sau khi có Quyết định của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước thành công ty cổ phần.

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ).

### 3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với nhà đầu tư mua thông qua đấu giá: theo Quy chế đấu giá do Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM ban hành.
- Đối với cán bộ công nhân viên: Sau khi tổ chức bán đấu giá thành công.
- Đối với Nhà đầu tư chiến lược: Theo phương thức thỏa thuận trực tiếp.

## II. LOẠI CỔ PHẦN

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.

Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

## III. KẾ HOẠCH HOÀN VỐN NGÂN SÁCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá đấu thành công thấp nhất là 10.000 đồng/ cổ phần, chi tiết như sau:

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước		Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a)	107.720.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(b)	107.718.026.407
3	Tiền thu từ cổ phần hoá	(c)	38.423.600.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		2.060.400.000
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước		533.400.000
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần		1.527.000.000
3.2	Thu từ bán cổ phần cho Tổ chức Công đoàn		-

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước		Số tiền (đồng)
3.3	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược		18.181.600.000
3.4	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		18.181.600.000
<b>4</b>	<b>Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, Tổ chức Công đoàn, bán đấu giá ra bên ngoài</b>	<b>(d)</b>	<b>38.779.200.000</b>
<b>5</b>	<b>Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN</b>	<b>(e) = (a) – (b)</b>	<b>1.973.593</b>
<b>6</b>	<b>Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện</b>	<b>(f)</b>	<b>500.000.000</b>
<b>7</b>	<b>Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư</b>	<b>(g)</b>	<b>-</b>
<b>8</b>	<b>Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ</b>	<b>(h) = [(c)–(d) – (f) – (g)] x [(e)/(a)]</b>	<b>-</b>
<b>Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách</b>		<b>(c) – (e) – (f) – (g) – (h)</b>	<b>37.921.626.407</b>

Công ty sẽ thực hiện hoàn vốn ngân sách nhà nước theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài.

## IV. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

### 1. Rủi ro về kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Những năm vừa qua, khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam bị giảm sút so với giai đoạn trước năm 2008 cụ thể tăng trưởng 6,78% năm 2010, 5,89% năm 2011, 5,03% năm 2012, 5,42% trong năm 2013. Tốc độ tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2015 tiếp tục đà phục hồi với tốc độ tăng 6,28% so với cùng kỳ năm 2014. Những dấu hiệu trên có thể cho thấy một cái nhìn khả quan về tình hình kinh tế trong những năm sắp tới. Tuy nhiên, những khó khăn trong sản xuất kinh doanh chưa được giải quyết triệt để, những yếu kém nội tại của nền kinh tế vẫn chậm được khắc phục, do đó rủi ro về kinh tế vẫn sẽ là yếu tố tác động đáng kể đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung.

Hoạt động chủ yếu của BPWACO là dịch vụ cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh, đây là sản phẩm thiết yếu nên không ảnh hưởng nhiều bởi sự biến động của nền kinh tế. Do đó hoạt động kinh doanh của Công ty được kỳ vọng sẽ tăng trưởng trong những năm tiếp theo.

### 2. Rủi ro pháp lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Luật Doanh nghiệp, Luật Dân sự...

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

### 3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro đặc thù của ngành cấp nước nói chung và của BPWACO nói riêng là rủi ro thất thoát nước. Tỷ lệ thất thoát của hệ thống cấp nước của ngành cấp nước trong năm 2014 ước tính là 27%. Riêng đối với BPWACO, tỷ lệ thất thoát nước hiện tại là khoảng 25%.

Ngoài ra, đối với địa phương có cơ sở hạ tầng chưa ổn định như tỉnh Bình Phước thì BPWACO còn phải đối mặt với một rủi ro đặc thù khác là hệ thống mạng lưới tuyến ống cấp thoát nước có thể hư hỏng do bị tác động trong quá trình xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng của tỉnh.

#### 4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần lần đầu được coi là không thành công trong trường hợp số lượng cổ phần thực tế bán được thấp hơn số lượng cổ phần dự kiến chào bán trong thời hạn quy định.

Với tình hình thị trường chưa có những sự khởi sắc mới mẻ trong suốt thời gian vừa qua, phần đông các nhà đầu tư đang chờ đợi những động thái tích cực hơn của Chính phủ cũng như những dấu hiệu lạc quan hơn từ nền kinh tế, dẫn đến tình hình giao dịch của cổ phiếu cả trên thị trường niêm yết và thị trường OTC vẫn đang diễn biến tương đối âm ảm. Chính vì thế, quyết định đầu giá cổ phần của Công ty vào thời điểm này có thể sẽ gặp một số rủi ro nhất định.

Tuy nhiên, với những dự báo về sự chuyển biến tích cực của thị trường chứng khoán trong thời gian tới cũng như hoạt động kinh doanh đặc thù của Công ty trong tương lai có nhiều khả quan cũng đem lại những tin tưởng vào khả năng thành công của đợt chào bán.

#### 5. Rủi ro khác

Hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, nguồn nước, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội...

### V. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

#### ❖ Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông	Trần Ngọc Trai	Phó Chủ tịch UBND tỉnh – Trưởng ban
Ông	Nguyễn Phước Thành	Phó Giám đốc Sở Tài chính – Phó Trưởng ban
Ông	Lê Tấn Nam	Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư – Thành viên
Ông	Nguyễn Thành Chương	Giám đốc Sở Nội vụ - Thành viên
Ông	Nguyễn Phú Quới	Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường – Thành viên
Ông	Võ Văn Mãng	Phó Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội – Thành viên
Ông	Trần Văn Hương	Cục trưởng Cục Thuế - Thành viên
Ông	Trần Xuân Hoàng	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước – Thành viên

#### ❖ Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông	Trần Xuân Hoàng	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước – Tổ trưởng;
Ông	Đỗ Văn Phong	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước – Thành viên;
Bà	Phạm Thị Loan	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước

Bà	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Bình Phước – Thành viên; Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước – Thành viên;
Bà	Vũ Thị Thúy Hằng	Phó Trưởng phòng TC-HC Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước – Thành viên;
Ông	Trần Lê Anh Tuấn	Trưởng phòng KT-VT Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước – Thành viên;
Ông	Phan Đình Chiến	Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước – Thành viên;
Ông	Nguyễn Thanh Dũng	Phó Giám đốc BQLDA Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước – Thành viên;
Ông	Nguyễn Mạnh Hải	Phó Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài Chính – Thành viên;
Ông	Nguyễn Xuân Hiệp	Phó Trưởng phòng Giá – Quản lý công sản, Sở Tài chính – Thành viên;
Bà	Nguyễn Thị Nguyệt	Chuyên viên Phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính – Thành viên;
Ông	Trần Hữu Ý	Phó Trưởng phòng Kiểm tra 2 Cục Thuế - Thành viên;
Ông	Nguyễn Tuấn	Trưởng phòng Cải cách hành chính Sở Nội vụ - Thành viên;
Ông	Hoàng Vũ Trường Giang	Chuyên viên Phòng Lao động – Tiền lương Sở Lao động – Thương binh và Xã hội – Thành viên;
Ông	Nguyễn Tiến Tân	Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư – Thành viên;
Ông	Phạm Văn Dũng	Phó Trưởng phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn Sở Tài Nguyên và Môi trường – Thành viên;

❖ **Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**

Bà	Trương Nguyễn Thiên Kim	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Bà	Dương Thúy An	Phó phòng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Ông	Tạ Nguyên Vũ	Phó phòng Phân tích và Đầu tư Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Ông	Trần Quốc Huy	Chuyên viên Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

## VI. CAM KẾT

Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các số liệu và phương án cổ phần hóa đã được duyệt của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước. Chúng tôi cung cấp thông tin với mục đích giúp nhà đầu tư có được những nhận định đúng đắn và

khách quan trước khi tham dự đấu giá mua cổ phần của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá cổ phần của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

Chúc các nhà đầu tư tham dự buổi đấu giá thành công.

Xin trân trọng cảm ơn. *th*

Bình Phước, ngày ... tháng ... năm 2015

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA  
PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA**



**TRẦN NGỌC TRAI**

**DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA  
CÔNG TY TNHH MTV CẤP  
THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN XUÂN HOÀNG**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *ng*  
TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN KIM**